

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2023
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ
lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-
DS, ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xét
xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh TV.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Bá D, sinh năm 1976 (vắng mặt, không có lý do);

Địa chỉ: Ấp Đ A, xã HM, huyện CT, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2004 chị Nguyễn Thị C với
anh Trần Bá D xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân
dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu của hôn
nhân chị C và anh D chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh
mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, thường xuyên cự cãi, anh D bạo hành với
chị C, đã nhiều lần hăm giết tình cảm vợ chồng nhưng không được nên anh D và
chị C đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay, chị C xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh D.

Con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Bá D có 02 người con chung tên Trần Thị Tố N, sinh ngày 18/4/2005 và Trần Thị Tố D, sinh ngày 06/5/2008.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản ghi ý kiến của Trần Thị Tố N trình bày: Em N trình bày đã trưởng thành và không có yêu cầu gì khác.

- Tại bản ghi ý kiến của em Trần Thị Tố D: Cha mẹ em D ly hôn thì nguyện vọng của em D được sống với cha là anh Trần Bá D.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 68, 97, 70, 71, 72, 177, 196, 203, 205, 208, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, cho chị C và anh Trần Bá D ly hôn. Con chung tên Trần Thị Tố N, sinh ngày 18/4/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thị Tố D, sinh ngày 06/5/2008 giao cho anh D trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của cháu D. Cấp dưỡng: Anh D và chị C không có yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Bá D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Bá D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Bá D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị C trình bày thời gian đầu của hôn nhân thì anh D và chị C chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau làm mất hòa khí, có lúc bạo hành gia đình. Chị C tạo cơ hội nhiều lần để hàn gắn tình cảm nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị C và anh D đã ly thân từ 2019 cho đến nay. Qua xác minh chính quyền địa phương thì chị C và anh D có nhiều lần cự cãi nhau, có trình báo chính quyền địa phương để can thiệp hòa giải. Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không trình bày ý kiến của mình về hôn nhân. Anh D và chị C đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị C và anh D là không đạt được, tình cảm vợ chồng là không còn yêu thương, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cho chị C được ly hôn với anh D là có cơ sở.

[5] Con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Bà D có 02 người con chung tên Trần Thị Tố N, sinh ngày 18/4/2005 và Trần Thị Tố D, sinh ngày 06/5/2008, hiện tại 02 con chung của chị C và anh D phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Em N đang sống chung với chị C, chị C yêu cầu trực tiếp nuôi nấng em N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, em D hiện tại đang sống với anh D và nguyện vọng của em D được sống với anh D là phù hợp, là tạo điều kiện tốt nhất cho các con chung của anh D, chị C phát triển tốt về tinh thần và thể chất.

[6] Cấp dưỡng: Chị C và anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Bá D.

Con chung: Giao con chung tên Trần Thị Tố N, sinh ngày 18/4/2005 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Trần Thị Tố D, sinh ngày 06/5/2008 cho anh Trần Bá D trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của em D. Chị C và anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị C chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Chinh đã nộp theo biên lai số 0014242 ngày 18/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị C không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thu Trang